TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Ninh và bà Trần Kim Liên.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên*: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 434/2023/HNGD-ST, ngày 13 tháng 7 năm 2023, về "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXX ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Đinh Quế L**, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ H, phường Q, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ F, phường Q, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Đinh Quế L trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến T kết hôn từ tháng 01 năm 2023, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, trong quá trình ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 15/3/2023. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mỹ H, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và không cho ai vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải bị đơn anh Nguyễn Tiến T trình bày: Về quan hệ hôn nhân và quá trình vợ chồng chung sống, anh T nhất trí với lời trình bày của chị L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, xích mích, chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7 năm 2023. Anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng chỉ là cãi vã nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn. Chị L làm đơn ly hôn anh T không nhất trí.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 15/3/2023. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mỹ H, do cháu H còn nhỏ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về đường lối giải giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị L được ly hôn với anh T; về con chung, giao con chung Nguyễn Mỹ H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến T đã được Toà án triệu tập hợp lệ, vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Đinh Quế L và anh Nguyễn Tiến T kết hôn ngày 09/01/2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận, trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Khi Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự quay trở về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái chị L kiên quyết xin ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn. Tòa án tiến hành mở phiên hòa giải lần thứ hai, anh T được triệu tập hợp lệ và biết chị L kiên quyết xin ly hôn, nhưng không có ý kiến phản đối gì, không đến tham gia phiên hòa giải. Mặt khác, quá trình vợ chồng ly thân chị L, anh T đều không có biện pháp thuyết phục cùng nhau quay về chung sống để đoàn tụ gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Chị L và anh T xác định có một con chung tên là Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 15/3/2023. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mỹ H; do cháu H còn nhỏ anh T nhất trí để chị L trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, chị L có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, hơn nữa hiện tại cháu H dưới 12 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ. Xét thấy, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mỹ H là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đinh Quế L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Đinh Quế L. Chị Đinh Quế L được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mỹ H, sinh ngày 15/3/2023 cho chị Đinh Quế L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Tiến T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đinh Quế L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000384 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Quế L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND phường Quang Vinh, TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Thanh N

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vương Hồng Giang